

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học – Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 2149/GD-ĐT ngày 27/7/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về việc thực hiện dự án sản xuất thử - thử nghiệm.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học – Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

Về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: xác định, xét chọn và ký hợp đồng thực hiện dự án; đánh giá nghiệm thu dự án và thanh lý hợp đồng; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì và quản lý dự án; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng cho các đại học, học viện, các trường đại học và cao đẳng, các viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là đơn vị) có dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước dành cho hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 2. Dự án sản xuất thử nghiệm

Dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi là dự án) là hoạt động triển khai thực nghiệm các kết quả nghiên cứu để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất đại trà phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Điều 3. Mục tiêu của dự án

1. Ứng dụng kết quả nghiên cứu, các kỹ thuật tiến bộ để hoàn thiện quy trình công nghệ hoặc sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, tạo thêm việc làm, kích thích các ngành nghề phát triển; tiết kiệm và tận dụng nguồn tài nguyên và nhân lực trong nước; phát triển mặt hàng xuất khẩu hoặc thay thế nhập khẩu; bảo vệ môi trường.

2. Góp phần đưa nhanh các kết quả nghiên cứu vào sản xuất, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học và cao đẳng.

Điều 4. Điều kiện đề xuất dự án

1. Dự án phải xuất phát từ một trong các nguồn sau:

a) Kết quả của các đề tài hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ các cấp đã được đánh giá nghiệm thu và được hội đồng kiến nghị đưa vào áp dụng trong thực tiễn;

b) Sản phẩm khoa học được giải thưởng hội thi sáng tạo; kiểu dáng công nghiệp; được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích; giống con, giống cây được công nhận cho sản xuất thử;

c) Kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam đã được các tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận.

2. Có thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án, có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

3. Kinh phí thực hiện dự án: các cơ quan chủ trì dự án chịu trách nhiệm từ 60% đến 70% tổng kinh phí thực hiện dự án, ngân sách nhà nước hỗ trợ từ 30% đến 40% tổng kinh phí thực hiện dự án (không kể trang thiết bị và nhà xưởng đã có), trong đó ưu tiên hỗ trợ chi phí để hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử sản phẩm.

Mức kinh phí thu hồi theo quy định hiện hành và được quy định tại hợp đồng.

4. Thời gian thực hiện dự án từ 24 tháng đến 36 tháng. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định những trường hợp thời gian thực hiện dự án kéo dài hơn so với quy định.

Điều 5. Tiêu chuẩn chủ nhiệm dự án

1. Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đã có kết quả nghiên cứu liên quan đến nội dung của dự án.

2. Có khả năng tổ chức thực hiện dự án.

3. Tại thời điểm xét duyệt dự án không là chủ nhiệm dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc chủ nhiệm các nhiệm vụ cấp Nhà nước.

4. Không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 24/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và tại khoản 1 Điều 31 của Quy định này.

5. Đối với giảng viên, số giờ giảng dạy không vượt quá định mức giờ giảng đối với một giảng viên do thủ trưởng cơ quan chủ trì dự án quy định.

Điều 6. Quản lý tài chính

1. Kinh phí hỗ trợ dự án được ngân sách nhà nước cấp trong dự toán do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho cơ quan chủ trì dự án thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng. Việc thu hồi kinh phí theo hợp đồng được thực hiện sau 6 tháng kể từ khi dự án kết thúc và hoàn trả vào ngân sách nhà nước toàn bộ số kinh phí thu hồi trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ khi dự án kết thúc.
2. Quản lý tài chính đối với các dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 85/2004/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 8 năm 2004 của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và công nghệ về hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án khoa học và công nghệ được ngân sách nhà nước hỗ trợ và có thu hồi kinh phí
3. Kinh phí hoạt động của hội đồng tư vấn xác định danh mục dự án, hội đồng xét chọn dự án và hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp bộ do Vụ Khoa học – Công nghệ chủ trì được chi từ kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo được ghi trong dự toán chi ngân sách nhà nước cấp hàng năm.
4. Kinh phí hoạt động của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở dự án được chi trong kinh phí thực hiện dự án do ngân sách nhà nước hỗ trợ.
5. Chế độ chi cho hoạt động của các hội đồng theo quy định tại Thông tư liên tịch của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II

XÁC ĐỊNH, XÉT CHỌN VÀ KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 7. Xác định danh mục dự án

1. Căn cứ kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, bộ, ngành và địa phương; căn cứ các kết quả nghiên cứu đã

đạt được và nhu cầu của các doanh nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cho các đơn vị và các cá nhân lập phiếu đề xuất dự án (Mẫu 1 Phụ lục I).

2. Căn cứ quy định tại Điều 4 của Quy định này, đơn vị xem xét lựa chọn các dự án do cá nhân đề xuất, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và đưa vào danh mục các dự án theo biểu mẫu quy định tại văn bản hướng dẫn lập kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm, kèm theo Phiếu đề xuất dự án gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian đề xuất danh mục dự án được hoàn thành trước ngày 30 tháng 3 hàng năm.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp danh mục dự kiến dự án trên cơ sở đề xuất của các đơn vị. Danh mục dự kiến các dự án được hoàn thành trước ngày 15 tháng 4 hàng năm; thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định danh mục dự án cấp bộ. Danh mục dự án được hoàn thành trước ngày 15 tháng 5 hàng năm; thông báo danh mục dự án cấp Bộ đã được Hội đồng tư vấn xác định để các tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ xét chọn dự án.

Điều 8. Tiêu chí xác định danh mục dự án

1. Yêu cầu về công nghệ:

a) Thể hiện khả năng ổn định và tin cậy của công nghệ; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thể hiện có hiệu quả kinh tế; đảm bảo an toàn sức khỏe và môi trường;

b) Thể hiện tính mới, tiên tiến so với công nghệ đang có ở Việt Nam;

c) Góp phần nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được ứng dụng rộng rãi.

2. Khả năng về thị trường: các ngành kinh tế - xã hội có nhu cầu đối với sản phẩm của dự án; sản phẩm của dự án có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả với sản phẩm cùng loại trên thị trường; thay thế sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài; có khả năng xuất khẩu.

3. Hiệu quả kinh tế xã hội: sản phẩm của dự án có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (tạo ngành nghề mới, thêm việc làm và thêm thu nhập cho cộng đồng); không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người và môi trường sinh thái.